

# NON NOK THA - BẢN CHIANG - BẢN NADI VÀ TRUNG TÂM KIM KHÍ ĐÔNG BẮC THÁI LAN

VŨ CÔNG QUÝ\*

**T**rong Dự án Nghiên cứu Khảo cổ học Luyện kim Thái Lan đã phát hiện bằng chứng về hoạt động khai thác và luyện đồng ở nhiều địa điểm thuộc tỉnh Loei và tỉnh Nong Khai. Trong đó, đáng chú ý nhất là Phu Lon.

Phu Lon là một khu mỏ đồng nằm ở bờ sông Mê Kông thuộc huyện Sangkhom, tỉnh Nong Khai. Mỏ đồng Phu Lon phân bố trên hai quả đồi được gọi là Phu Lon I và Phu Lon II. Tuy nhiên, công việc của TAP chỉ tập trung ở Phu Lon I. Cuộc thám sát được tiến hành vào năm 1984 và cuộc khai quật được tiến hành vào năm 1985. Tại đây, TAP đã thu được bằng chứng của việc khai thác quặng và luyện đồng như: những rãnh và hố đào để khai thác quặng, những dấu tích công cụ bằng kim loại và bằng đá để khai thác quặng, những chiếc búa và hòn kê bằng đá để nghiền quặng, những mảnh nồi nấu đồng bằng đất nung mà trong đó còn

dấu tích vỏ trấu và quặng đồng, những mảnh khôn đúc bằng đá sa thạch và bằng đất nung. Đồng thời, các nhà khai quật cũng phát hiện được bằng chứng của di tích cư trú. Đó là những công cụ sản xuất bằng đá và bằng đồng thau, những mảnh vòng đá, cùng nhiều mảnh gốm.

Qua các niên đại C14, TAP cho rằng việc khai thác và luyện quặng ở Phu Lon vào thiên niên kỷ thứ I đến thiên niên kỷ thứ II trước công nguyên.

**Các địa điểm kim khí tiêu biểu đã được khai quật ở vùng Đông bắc Thái Lan**

**+ Địa điểm Non Nok Tha**

Địa điểm Non Nok Tha ở phía bắc Bản Na Di, huyện Phu Vang, tỉnh Khon Khen được phát hiện vào năm 1964. Vụ Mỹ thuật Thái Lan và Trường Đại học Hawaii (Mỹ) đã khai quật hai lần vào năm 1966 và năm 1968.

\* TS. Vũ Công Quý, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

Qua hai lần khai quật, DT. Bayard đã chia tầng văn hoá Non Nok Thà thành 17 mức mai táng và cư chiếm với 3 thời kỳ phát triển sớm muộn.

Thời kỳ sớm: - Gồm 3 mức mai táng (EP1-EP3).

Thời kỳ này, kim khí chưa xuất hiện (trừ 1 công cụ đồng thau phát hiện ở EP3).

Thời kỳ giữa: Gồm 8 mức mai táng và cư chiếm (MP1-MP8).

Thời kỳ này, di chỉ vừa là nơi cư trú vừa là mộ táng. Đồ đồng thau đã xuất hiện phổ biến, nhưng đồ sắt chưa xuất hiện.

Thời kỳ muộn: Gồm 6 mức mai táng và cư chiếm (LP1-LP6).

Di chỉ được sử dụng lại sau 800 năm. Thời kỳ này, di chỉ cũng vừa là nơi cư trú vừa là mộ táng thuộc thời đại sắt.

Với 180 m<sup>2</sup> khai quật lần thứ I đã phát hiện 88 mộ táng và thu được 22 vòng đồng thau, 1 rìu đồng thau, 2 nồi nấu đồng bằng đất nung, 4 đôi khuôn hai mang bằng đá sa thạch để đúc rìu, cùng với nhiều mảnh hiện vật đồng thau, các giọt đồng tràn khi đúc và những đồ gốm.

Với 190 m<sup>2</sup> khai quật lần thứ II đã phát hiện 132 mộ táng và thu được 6 vòng đồng thau, 3 rìu đồng thau, 4 nồi nấu đồng bằng đất nung, 2 khuôn hai mang bằng đá sa thạch để đúc rìu và nhiều đồ gốm.

Như vậy, với sự có mặt của các khuôn đúc rìu bằng đá sa thạch, các mảnh nồi nấu đồng bằng đất nung, các giọt đồng tràn khi đúc hiện vật, cùng các hiện vật

đồng thau trên đã khẳng định sự tồn tại kỹ nghệ luyện kim đồng thau tại chỗ ở Non Nok Thà.

### **Rìu đồng thau.**

Dựa vào các tiêu bản rìu và các khuôn đúc rìu bằng đá sa thạch đã phát hiện trên, DT. Bayard đã chia rìu đồng thau Non Nok Thà thành 5 loại:

- Loại I: Rìu có lưỡi xoè cân hình hyperbol, hai đầu mũi rìu cong lên.

- Loại II: Rìu có bản lưỡi rộng ngang và vuông góc với trục họng, lưỡi rìu xoè và hai đầu mũi cong.

- Loại III: Rìu có bản lưỡi hình thang, hơi xoè từ họng tra cán xuống lưỡi, rìu có rìa lưỡi cong lồi.

- Loại IV: Rìu có dáng tương tự rìu loại III, nhưng có hai đầu mũi rìu cong lên.

- Loại V: Rìu có bản lưỡi hình ô van, không có vai.

Tất cả 5 loại rìu trên đều thuộc loại rìu có họng tra cán và đều có hai đường gân nổi trang trí ở gần họng tra cán.

### **Vòng đồng thau.**

Dựa vào 28 đôi vòng đồng thau thu được qua hai lần khai quật, DT. Bayard chia vòng trang sức đồng thau thành 4 loại:

- Loại I: Vòng có tiết diện mặt cắt ngang hình tròn.

- Loại II: Vòng có tiết diện mặt cắt ngang hình chữ D

- Loại III: Vòng có tiết diện mặt cắt ngang hình chữ nhật đứng.

- Loại IV: Vòng có tiết diện mặt cắt ngang hình vuông hay hình thang

**Đồ gốm.**

Với 337 tiêu bản gốm nguyên và 5470 mảnh gốm, DT. Bayard đã chia gốm Non Nok Tha thành 6 loại sau:

- Loại I: Nồi có thân hình cầu, đáy tròn.
- Loại II: Bình có thân hình cầu, có chân đế.
- Loại III: Bát sâu lòng có chân đế cao.
- Loại IV: Cốc hay bát rất nông lòng có đáy bằng.
- Loại V: Bát sâu lòng có đáy bằng.
- Loại VI: Chum hay vò gốm có kích thước lớn.

Đồ gốm Non Nok Tha chủ yếu được trang trí hoa văn thừng. Tuy nhiên, trên phần vai nổi, bình và trên thành miệng bát đã thấy xuất hiện hoa văn trang trí khác vạch kết hợp với miết bóng làm nền.

Ngoài ra, ở lớp giáp EP3 và MP1 các nhà khai quật đã gặp 4 bình gốm. Các bình gốm này có kích thước và hình dáng tương tự các bình gốm đã đề cập trên. Nhưng trên phần vai và bên ngoài thành miệng bình có băng hoa văn trang trí vẽ mẫu.

**Niên đại Non Nok Tha.**

Sau khi khai quật di chỉ Non Nok Tha, DT. Bayard đã thu được 36 niên đại tuyệt đối được xác định bằng C14, bằng Nhiệt huỳnh quang và Collagen ở nhiều phòng thí nghiệm khác nhau trên thế giới. Các niên đại này rất mâu thuẫn nhau. Chẳng hạn: Trong cùng một thời kỳ hay cùng một lớp văn hoá vừa có niên đại sớm lại vừa có niên đại muộn.

Thậm chí, trong cùng một mộ cũng có hai niên đại sớm muộn khác nhau.

Chẳng hạn: Trong một mộ ở lớp EP 3 niên đại Collagen là:  $720 \pm 90$  năm BC (Mẫu 1.5.321). Trong khi đó, niên đại Nhiệt huỳnh quang là:  $2.430 \pm 200$  năm BC (Mẫu PT276).

Bởi vậy, với 36 niên đại trên, DT. Bayard đã lập thành 4 trật tự niên đại sớm muộn ở Non Nok Tha như sau:

**1. Trật tự muộn nhất.**

Theo trật tự niên đại này thì đồng thau chỉ xuất hiện ở Non Nok Tha vào đầu công nguyên.

**2. Trật tự truyền thống.**

Theo trật tự này, đồng thau xuất hiện ở Non Nok Tha vào khoảng 700 năm trước công nguyên.

**3. Trật tự trung gian.**

Theo trật tự này, đồng thau xuất hiện ở Non Nok Tha vào khoảng 1200 năm trước công nguyên.

**4. Trật tự sớm nhất.**

Theo trật tự này, đồng thau xuất hiện ở Non Nok Tha vào khoảng 2700 năm trước công nguyên.

Mặc dù vấp phải các niên đại muộn của Collagen và 4 trật tự niên đại rất mâu thuẫn nhau trên, nhưng DT. Bayard vẫn tin vào trật tự niên đại sớm nhất cho sự ra đời của kỹ nghệ luyện kim đồng thau ở Non Nok Tha.

Như vậy, DT. Bayard và đồng sự cho kỹ nghệ luyện kim đồng thau đã xuất hiện ở Non Nok Tha vào cuối thiên niên kỷ III trước công nguyên.

Trong khi giới nghiên cứu tiền sử Đông Nam Á còn băn khoăn về 4 trật tự niên đại sớm muộn ở Non Nok Tha, thì C. Gorman và đồng sự khai quật Bản Chiang lần thứ ba còn đưa ra niên đại xuất hiện kỹ nghệ luyện kim đồng thau và sắt Bản Chiang sớm hơn niên đại xuất hiện kỹ nghệ luyện kim đồng thau ở Non Nok Tha theo trật tự niên đại sớm nhất của DT. Bayard hàng thiên niên kỷ, càng làm cho những người tin vào trật tự niên đại sớm nhất ở Non Nok Tha quan tâm tới Bản Chiang nhiều hơn.

#### + Địa điểm Bản Chiang

Địa điểm Bản Chiang thuộc xã Bản Chiang, huyện Nong Han, tỉnh Udon Thani được phát hiện từ trước năm 1970. Ngay sau khi phát hiện, đã có nhiều nhà khảo cổ học Thái Lan và ngoại quốc tới Bản Chiang để tìm hiểu và nghiên cứu. Vụ Mỹ thuật Thái Lan đã khai quật Bản Chiang hai lần vào năm 1967 và năm 1972.

Để có thêm tư liệu về mặt địa tầng, C. Gorman (Trường Đại học Hawaii) cùng nhiều chuyên gia khảo cổ học của Trường Đại học Úc, Trường Đại học Hawaii, Trường Đại học Oasinhton, Trường Đại học Pensilvania (Mỹ), Trường Đại học Gaxin (Indonesia), Trường Đại học Kaxetsat (Thái Lan), Bảo tàng Bitsops (Holonunu), Phòng thí nghiệm Quốc gia Brucheven (Mỹ) đã khai quật Bản Chiang lần thứ ba vào năm 1974-1975.

Hiện vật của cuộc khai quật này rất phong phú và đa dạng. Bao gồm đồ gốm, công cụ sản xuất và vũ khí bằng

bằng đồng thau và bằng sắt, đồ trang sức bằng đá, bằng đồng thau, bằng sắt, cùng các dọi xe chỉ, con lăn in hoa văn bằng đất nung, khuôn đúc bằng đá sa thạch... và 26 bộ di cốt người. Các loại hiện vật trong cuộc khai quật này được nghiên cứu ở Bảo tàng của Trường Đại học Pensilvania. 26 bộ di cốt người được nghiên cứu tại Trường Đại học Hawaii và các di tích động vật được phân tích tại Trường Đại học Otago (New Zeland). Điều đó cho thấy tầm quan trọng của Bản Chiang trong việc nghiên cứu thời đại kim khí ở Thái Lan nói riêng và ở Đông Nam Á nói chung.

Tuy nhiên, hai vấn đề được giới nghiên cứu Tiền sử Đông Nam Á đặc biệt quan tâm ở Bản Chiang là: Gốm mẫu Bản Chiang và niên đại xuất hiện kỹ nghệ luyện kim đồng thau-sắt.

#### Gốm Bản Chiang và gốm mẫu Bản Chiang.

Qua ba lần khai quật, chúng ta có thể nhận thấy ba giai đoạn phát triển sớm muộn của gốm Bản Chiang.

Giai đoạn sớm. Gốm Bản Chiang chủ yếu là các loại nổi có thành miệng loe, cổ thắt, thân hình cầu, đáy tròn và những bình gốm dạng hình lẵng hoa có mẫu đen hay xám đen, gốm được miết bóng hay được trang trí hoa văn thừng. Tuy nhiên, vào cuối giai đoạn sớm đã thấy xuất hiện băng hoa văn khắc vạch trên nền hoa văn thừng được trang trí trên phần vai gốm.

Giai đoạn giữa. Gốm Bản Chiang phổ biến là loại nổi, bình có trang trí hoa văn khắc vạch kết hợp với hoa văn thừng và miết bóng làm nền. Ở giai

đoạn này, đã xuất hiện gốm có trang trí hoa văn khắc vạch kết hợp với tô màu đen ánh chì hay màu đỏ( chủ yếu là màu đỏ). Loại gốm này ngày càng chiếm ưu thế ở cuối giai đoạn giữa.

Giai đoạn muộn. Bên cạnh sự tồn tại của đồ gốm có hoa văn khắc vạch kết hợp với tô màu trên, ở giai đoạn này đã xuất hiện và ngày càng chiếm ưu thế loại gốm có hoa văn trang trí hoa văn vẽ màu. Đó là những đồ gốm được trang trí vẽ màu đỏ tươi trên nền vàng sẫm của áo gốm. Những đồ gốm này được gọi là gốm màu hay “Gốm cổ điển Bản Chiang”.

### **Gốm màu Bản Chiang.**

Đã có nhiều nhà nghiên cứu đề cập tới Bản Chiang và gốm màu Bản Chiang. Dựa trên các báo cáo khai quật, các công bố về Bản Chiang, chúng tôi chia gốm màu Bản Chiang thành các loại sau:

Loại I: Bao gồm các nôi gốm có thành miệng thấp, hơi loe, cổ thắt, thân hình cầu hay thuôn dài, đáy tròn hay có chân đế thấp.

Loại II: Bao gồm những nôi hay bình gốm có thành miệng cao, dáng đứng hay loe, thân hình cầu hay thuôn dài, đáy tròn hay có chân đế thấp.

Loại III: Bao gồm những bình gốm có thành miệng cao, loe, cổ thắt, thân hình cầu có gờ gãy góc, đáy tròn hay có chân đế cao.

Loại IV: Bao gồm những bình gốm có thành miệng thấp, hơi loe, thân gần vuông, đáy tròn dẹt hay có chân đế.

Loại V: Bao gồm những bát sâu lòng có chân đế cao.

Loại VI. Bao gồm những bát sâu lòng, đáy tròn hay có chân đế thấp.

Tất cả 6 loại gốm trên đều được trang trí vẽ màu đỏ tươi trên nền vàng sẫm của áo gốm.

Dựa vào họa tiết trang trí, chúng ta có thể nhận biết những loại hoa văn trang trí của gốm màu Bản Chiang như sau:

Loại I: Gồm những họa tiết hoa văn đường cong uốn lượn. Trong đó, họa tiết hình chữ S là tiêu biểu nhất và phong phú nhất.

Loại II: Gồm các họa tiết xoắn ốc đơn hay xoắn ốc kép.

Loại III: Gồm các họa tiết hình hình học. Trong đó, phổ biến là các họa tiết hình hình học đồng tâm.

Ba loại họa tiết trang trí trên đều được kết hợp với với các tam giác dẹt.

Loại IV: Gồm các họa tiết hình người, hình động vật( Cóc, thằn lằn, rắn, hươu, nai, trâu...)

Loại V: Các họa tiết hình hoa, lá.

Các loại họa tiết hoa văn trên thường được trang trí thành các băng ngang xen kẽ nhau phủ kín bề mặt gốm.

Với dáng hình cân đối thanh thoát, thợ gốm Bản Chiang xưa dùng màu đỏ tươi vẽ trên nền vàng sẫm của áo gốm những họa tiết hoa văn trang trí tài hoa sinh động, đã tạo nên vẻ đẹp huyền diệu quyến rũ người xem của gốm màu Bản Chiang. Chính những bình gốm này đã tạo nên nét đặc trưng riêng biệt của Bản Chiang. Đồng thời, cũng chính những bình gốm này đã tạo nên sự nổi tiếng của địa điểm Bản Chiang.

### Niên đại Bản Chiang.

Sau khi khai quật Bản Chiang lần thứ ba, C. Gorman đã gửi nhiều mẫu để xác định niên đại bằng C14 và bằng nhiệt huỳnh quang. Các niên đại này rất mâu thuẫn nhau. C. Gorman đã bỏ các niên đại Nhiệt huỳnh quang và chỉ sử dụng 27 niên đại C14 do Phòng thí nghiệm Pensilvania xác định.

Với 27 niên đại C14, C.Gorman đã vạch ra 6 giai đoạn phát triển liên tục kế tiếp nhau của Bản Chiang như sau:

*Giai đoạn I+II:* 3600-2900 năm trước công nguyên.

Ở hai giai đoạn này, các nhà khai quật đã phát hiện hai loại hình mộ táng: Mộ chôn nằm co và mộ chôn nằm ngửa. Trong một mộ chôn nằm co ở sát lớp sinh thổ đã phát hiện được 1 chiếc mũi giáo đồng thau. Đồ gốm ở hai giai đoạn sớm này chủ yếu là nổi và bình gốm hình lăng hoa có màu xám đen và có trang trí hoa văn thường là chủ yếu. Ngoài ra, ở hai giai đoạn sớm này bắt đầu thấy xuất hiện gốm có trang trí hoa văn khắc vạch.

*Giai đoạn III:* 2000 năm trước công nguyên.

Ở giai đoạn này, các nhà khai quật chỉ còn gặp mộ chôn nằm ngửa và mộ vò để mai táng trẻ em. Về đồ gốm, ngoài những loại hình và hoa văn trang trí đã có ở hai giai đoạn trên, ở giai đoạn này gốm có hoa văn trang trí khắc vạch ngày càng phổ biến và thấy xuất hiện đồ gốm có trang trí đắp nổi.

*Giai đoạn IV:* 1600-1200 năm trước công nguyên.

Trong giai đoạn này, các nhà khai quật đã gặp đồ gốm có hoa văn trang trí khắc vạch kết hợp với tô màu và đồ gốm có gờ gãy góc trên vai. Gốm giai đoạn này giống gốm đã phát hiện ở địa điểm Omkeao. Vì vậy, giai đoạn IV ở Bản Chiang được các nhà khai quật gọi là giai đoạn Omkeao.

Dựa vào sự xuất hiện của gờ gãy góc trên vai gốm, C. Gorman đã chia giai đoạn IV thành 2 giai đoạn nhỏ.

- Giai đoạn IVA: Giai đoạn này chưa thấy xuất hiện đồ gốm có gờ gãy góc trên vai.

- Giai đoạn IVB: Đã xuất hiện gốm có gờ gãy góc trên vai. Đồng thời, giai đoạn này bên cạnh các hiện vật đồng thau, các nhà khai quật đã phát hiện được các hiện vật bằng sắt. Đó là những vòng đồng thau bịt sắt và những chiếc giáo có cán bằng đồng thau và có lưỡi bằng sắt.

*Giai đoạn V:* 1200-500 năm trước công nguyên.

Trong giai đoạn này, các nhà khai quật đã gặp mộ chôn nằm ngửa với nhiều đồ tùy táng bằng đồng thau, bằng sắt và đồ gốm. Đồng thời, khác với giai đoạn trước, ở giai đoạn này đã thấy xuất hiện và phát triển rất rục rờ gốm có trang trí hoa văn vẽ màu. Đó là những đồ gốm được vẽ bằng màu đỏ tươi trên nền vàng sẫm của áo gốm. Những đồ gốm này được các nhà nghiên cứu gọi là "Gốm cổ điển Bản Chiang"

*Giai đoạn VI:* 500 năm trước công nguyên – 200 năm sau công nguyên.

Đây là giai đoạn mai táng cuối cùng ở Bản Chiang. Đồ tùy táng trong các mộ thuộc giai đoạn này rất phong phú công cụ sản xuất và vũ khí bằng đồng thau và bằng sắt và đồ trang sức bằng thủy tinh. Trong khi đó, đồ gốm tùy táng đã suy thoái nhiều. Loại gốm cổ điển Bản Chiang đã được thay thế dần bằng loại gốm có áo đỏ sẫm, để trơn không trang trí hoa văn.

Như vậy, theo trật tự 6 giai đoạn phát triển trên, thì vào giữa thiên niên kỷ IV trước công nguyên đồng thau đã xuất hiện ở Bản Chiang và vào giữa thiên niên kỷ II trước công nguyên đồ sắt đã xuất hiện ở Bản Chiang.

Với khung niên đại quá sớm cho sự xuất hiện kỹ nghệ luyện kim đồng thau và sắt ở Bản Chiang đã lôi cuốn nhiều nhà nghiên cứu tiền sử Đông Nam Á tới Bản Chiang và vùng Đông bắc Thái Lan để điều tra, nghiên cứu về văn hoá Bản Chiang và trung tâm kim khí này, nhằm tìm kiếm những bằng chứng ủng hộ hay bác bỏ khung niên đại xuất hiện kỹ nghệ luyện kim đồng thau-sắt ở Bản Chiang của C. Gorman.

Cộng tác với Vụ Mỹ thuật Thái Lan, Trường Đại học Otago (New Zealand) dưới sự chỉ đạo của GS. Higham đã tiến hành những cuộc điều tra ở phía Nam địa điểm Bản Chiang. Đoàn đã phát hiện và tiến hành thám sát một số địa điểm có cùng nội dung văn hoá với địa điểm Bản Chiang, mà một trong số những địa điểm này được đoàn lựa chọn để khai quật là Bản Na Di

#### + Địa điểm Bản Na Di.

Bản Na Di nằm trong vùng hồ chứa nước Kumphawagi, cách Bản Chiang

khoảng 20 km về phía Tây nam do C. Higham tiến hành khai quật vào 1980-1981.

Theo C. Higham, tầng văn hoá Bản Na Di dày 4,5 m, được chia thành 8 lớp văn hoá (từ lớp 1-lớp 8 tính từ trên xuống). Trong đó, từ lớp 8 - lớp 3 có nội dung văn hoá giống với nội dung văn hoá Bản Chiang từ giai đoạn III-giai đoạn VI. Nhưng các lớp tương ứng này ở Bản Na Di lại có niên đại muộn hơn rất nhiều so với niên đại ở Bản Chiang.

+ Lớp 8 và cuối lớp 7 ở Bản Na Di. Được C. Higham coi là tương đương với giai đoạn III Bản Chiang, vì chúng có đồ gốm giống nhau.

Lớp 8 Bản Na Di có 1 niên đại C14 là: 1490 năm  $\pm$  200 năm trước công nguyên.

Lớp 7 ở Bản Na Di có 3 niên đại C14 là: 940 năm  $\pm$  80 năm trước công nguyên, 550 năm  $\pm$  50 năm trước công nguyên và 590 năm  $\pm$  100 năm trước công nguyên

Lớp 8 và phần cuối lớp 7 ở Bản Na Di đã phát hiện được di vật đồng thau, nhưng chưa thấy xuất hiện di vật sắt.

+ Lớp 6 ở Bản Na Di : Được C. Higham coi là tương đương với giai đoạn IV Bản Chiang. Trong lớp này, C. Higham đã thấy xuất hiện đồ sắt và đồ gốm có trang trí hoa văn khắc vạch kết hợp với tô màu.

Lớp 6 có 1 niên đại C14 là: 460 năm  $\pm$  130 năm trước công nguyên.

+ Lớp 5 và lớp 4 ở Bản Na Di: Được C. Higham coi là tương đương với giai đoạn V của Bản Chiang.

Trong 2 lớp văn hoá này ở Bản Na Di cũng rất phổ biến loại gốm vẽ mẫu giống gốm mẫu Bản Chiang. Ở 2 lớp văn hoá này cũng phát hiện được những con lăn in hoa văn bằng đất nung, hiện vật sắt cũng gặp phổ biến hơn, nhưng hiện vật đồng thau vẫn còn tồn tại. Đồng thời, ở hai lớp văn hoá này, C. Higham cũng phát hiện được mộ vò mai táng trẻ em với những đồ trang sức bằng đồng thau và hạt chuỗi bằng thủy tinh

Lớp 5 có 2 niên đại C14 là: 375 năm  $\pm$  80 năm sau công nguyên và 100 năm  $\pm$  55 năm sau công nguyên

Lớp 4 có 1 niên đại C14 là: 215 năm  $\pm$  55 năm sau công nguyên

Lớp 3 ở Bản Na Di: Được C. Higham coi là tương đương với giai đoạn VI Bản Chiang.

Lớp này chủ yếu là gốm có áo đỏ không trang trí hoa văn và mộ táng có đồ tùy táng hoàn toàn giống với giai đoạn VI Bản Chiang.

Lớp 3 không có niên đại C14, nhưng được C. Higham đoán định có niên đại vào thiên niên kỷ I sau công nguyên.

Như vậy, theo Higham và đồng sự thì niên đại xuất hiện kỹ nghệ luyện kim đồng thau ở Bản Na Di vào khoảng giữa thiên niên kỷ II trước công nguyên và kỹ nghệ luyện kim sắt vào khoảng thế kỷ VI trước công nguyên. Trong khi đó, như đã đề cập ở phần trên, di chỉ Bản Chiang và Bản Na Di có nội dung văn hoá giống nhau và đều được xếp vào Văn hoá Bản Chiang. Bởi vậy, giữa hai di chỉ này không thể có sự phát triển quá chênh lệch đến như vậy được. Do đó, theo chúng tôi, vấn đề đặt ra ở đây

chỉ có thể là niên đại Bản Chiang cần được xem xét lại.

Như chúng ta biết, bước vào thời đại kim khí, do nhu cầu trao đổi nguyên liệu quặng và trao đổi kỹ thuật đúc đồng, cư dân thời đại kim khí trên khắp các lãnh thổ Đông Nam Á dần dần quy tụ thành những trung tâm kim khí lớn. Bởi vậy, vào cuối thời đại đồng thau-đầu thời đại sắt ở Đông Nam Á đã dần dần hình thành những Trung tâm kim khí lớn như: Trung tâm kim khí Đông Sơn, Trung tâm kim khí Sa Huỳnh, Trung tâm kim khí Dốc Chùa ở Việt Nam; Trung tâm kim khí Luồng Phạbăng, Trung tâm kim khí Xiêng Khoảng, Trung tâm kim khí Viêng Chăn-Lao Pako ở Lào; Trung tâm kim khí Somrong Sen-Mlu Prei ở Campuchia; Trung tâm kim khí Non Nok Tha-Bản Chiang-Bản Na Di ở Đông bắc Thái Lan; Trung tâm kim khí Don Ta Phet-Hang Ongbah ở miền Trung Thái Lan; Trung tâm kim khí Kalanay, Trung tâm kim khí Tabon ở Philippin; Trung tâm kim khí Borneo, Ba li... ở Indônêxia; Trung tâm kim khí Malaixia... Giữa các trung tâm kim khí này có sự giao lưu trao đổi rộng rãi với nhau không chỉ nguyên liệu, kỹ thuật chế tác mà cả hiện vật. Bởi vậy, chúng ta đã gặp những hiện vật đặc trưng của trung tâm kim khí này ở các trung tâm kim khí kia và ngược lại. Đồng thời, chúng ta còn gặp những di vật giống nhau ở các trung tâm kim khí khác nhau. Do đó, nhờ vào các di vật này chúng ta có thể xác định niên đại tương đối của cho các trung tâm kim khí mà chúng ta không phụ thuộc hoàn toàn vào các niên đại tuyệt



đôi của chúng. Do đó, trường hợp niên đại Bản Chiang cũng không nằm ngoài khả năng trên.

Chẳng hạn: Chiếc giáo đồng thau Bản Chiang trưng bày ở Bảo tàng London. Theo GS. Hà Văn Tấn, chiếc giáo này rất giống loại giáo hình búp đa địa điểm Gò Mun-một di chỉ khảo cổ thuộc hậu kỳ đồng thau ở Việt Nam.

Loại di vật song kim (có cán bằng đồng và có lưỡi bằng sắt) như: Dao có cán bằng đồng thau và có lưỡi bằng sắt đến văn hoá Đông Sơn (Việt Nam) hay văn hoá Thạch Trại Sơn (Trung Quốc) chúng mới xuất hiện. Mà những văn hoá này thuộc thời đại sắt có niên đại vài thế kỷ trước công nguyên đến thế kỷ I, II sau công nguyên. Do vậy, niên đại kỹ nghệ luyện sắt ở Bản Na Di vào 600 năm trước công nguyên xem ra hợp lý hơn niên đại kỹ nghệ luyện sắt ở Bản Chiang vào 1600 năm trước công nguyên.

Mặt khác, có nhiều nhà khảo cổ học đã từng tham gia khai quật khảo cổ học ở Thái Lan như Joyce. C.White, C. Higham đã cho rằng niên đại xuất hiện kỹ nghệ luyện kim đồng thau ở đây chỉ vào khoảng thiên niên kỷ II trước công nguyên và niên đại xuất hiện kỹ nghệ sắt ở đây chỉ vào khoảng giữa thiên niên kỷ I trước công nguyên.

Do vậy, chúng tôi tin vào niên đại xuất hiện kỹ nghệ luyện kim đồng thau và sắt ở Bản Na Di của C. Higham. Niên đại này phản ánh đúng nội dung văn hoá Bản Na Di nói riêng và văn hoá Bản Chiang nói chung. Có thể, niên đại này là hợp lý đối với trung tâm kim khí Đông bắc Thái Lan.

Như vậy, với những bằng chứng trên khẳng định Đông bắc Thái Lan là một trung tâm kim khí. Trung tâm kim khí này mà đỉnh cao là văn hoá Bản Chiang có một quá trình phát triển liên tục từ đầu thời đại đồng thau đến đầu thời đại sắt. Đó là sự phát triển kế thừa của Bản Chiang, Bản Na Di, Bản Chiang Hian từ Non Nok Tha và từ các di chỉ có niên đại sớm ở đây.

Trung tâm kim khí Đông bắc Thái Lan với sự phổ biến là rìu đồng thau có hòng tra cán, trên phần hòng có trang trí hai đường gân nổi song song. Loại công cụ sản xuất này rất gần gũi với các rìu đồng thau đã phát hiện trong văn hoá Dốc Chùa Miền Đông Nam Bộ (Việt Nam), với các rìu đồng thau trong bộ sưu tập Luồng Phabăng (Lào) và ở địa điểm Mlu-Prei và Somrong Sen (Cămpuchia). Chắc chắn, giữa các cư dân kim khí này có mối quan hệ, giao lưu trao đổi với nhau qua dòng sông Mê Kông.

Ngoài ra, một trong hai vấn đề tạo nên sự nổi tiếng của Bản Chiang và của trung tâm kim khí Đông bắc Thái Lan là sự phát triển rực rỡ của gốm mầu Bản Chiang. Gốm mầu Bản Chiang có quá trình phát sinh và phát triển từ chính gốm Bản Chiang và gốm thời đại kim khí ở Đông bắc Thái Lan. Tuy nhiên, gốm mầu Bản Chiang không nằm ngoài truyền thống gốm khắc vạch và tô mầu thời đại kim khí Đông Nam Á. Bởi vậy, đã có nhiều nhà khảo cổ học Thái Lan cho rằng “truyền thống Bản Chiang” có mối quan hệ gần gũi với truyền thống văn hoá Phùng Nguyên-Đông Sơn của Việt Nam.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. WG. Solheim II, H. Parker and DT. Bayard. Archaeological Survey and excavations in North Thailand: Preliminary report on excavations at Ban Na Di, Ban Sao Lao, Phimai. Honolulu. Hawai University 1976.
2. Chin Youdi. Prehistoric and Protohistoric excavations in Lop Buri province. Fine art Department. Bangkok 1963.
3. Nikhon Suthirat. Report on Prehistoric excavations at Ban Chiang, Tambon Ban Chiang, Amphoe Nong Han, Changwat Udon Thani. March Silapakon 16.
4. C. Gorman and Pisit Charoenwongsa. Ban Chiang: A mosaic impressions from the first two years expedition. Magazine of Archaeology/ Anthropology. Volume 18. No4, Summer 1976. Pp14-27.
5. Ian Glover. Ban Don Ta Phet and its relevance to problems in the Pre and Protohistory in Thailand. Bulletin of the Indo-Prehistory Association. 2-1980. Pp11-30
6. C. Higham and A. Kijiangant. Ban Na Di Northeastern Thailand. Southeast Asian Studies. Newsletter 1982. P1-3.
7. Surapol Natapintu. Current Research on Ancient Copper-Base Metallurgy in Thailand. In Prehistoric Studies: The Stone and Metal Ages in Thailand. Volume I. 1988. pp107-124.
8. Surapol Natapintu. Current Research on Ancient Copper-Base Metallurgy in Thailand. tldd
9. Penelope van Esterish. A Preliminary Analysis of Ban Chiang Painted Pottery Northeastern Thailand. Asian Perspectives. Vol XVI. N<sup>o</sup>2. 1973.
10. Joyce, C. White. The Ban Chiang chronology Revised. In The First conference Southeast Asian Archaeology 1986. Bar international. Series 561, pp 121-130.
11. C. Higham and Rachane Thosavat. Prehistoric Thailand from settlement to Sukhothai. Thames and Hudson. 1998.